

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thông qua Phương án kiến nghị đơn giản hóa  
thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dược  
thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bạc Liêu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 192/TTr-SYT ngày 01 tháng 8 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua Phương án kiến nghị đơn giản hóa 03 (ba) thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dược thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bạc Liêu (đính kèm).

**Điều 2.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2018, kèm Phương án kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được thông qua tại Quyết định này,

trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo kiến nghị Bộ Y tế và các cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**✱

- Cục KSTTHC - VPCP (để báo cáo);
- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC50 (TThuy)✱

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Phương Nam**



**PHƯƠNG ÁN KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC DƯỢC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

**1. Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ (BYT-BLI-286937)**

1.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC*)

\* Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

Cần sửa đổi quy định thành phần hồ sơ, cụ thể:

- Bãi bỏ bản sao chứng thực, chỉ cần xuất trình căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

- Bản sao Giấy chứng nhận sức khỏe và Xác nhận thời gian thực hành

\* Lý do:

- Trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược đã có Phiếu lý lịch tư pháp, trong đó đã cung cấp đầy đủ thông tin về căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân nên không cần thiết phải chứng thực bản sao căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân.

- Đối với Giấy chứng nhận sức khỏe và Xác nhận thời gian thực hành, cá nhân chỉ cần nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu là được, hai loại giấy tờ này không nhất thiết phải chứng thực

1.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ*):

Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 24 Luật Dược 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 177.249.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 154.219.800 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 23.029.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,99 %.

**2. Thủ tục Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên**



**liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) (BYT-BLI-286941)**

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

\* Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

Cần sửa đổi quy định thành phần hồ sơ, cụ thể:

- Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.

- Bản sao không cần chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược

\* Lý do:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được quản lý trên hệ thống kinh doanh quốc gia, cơ quan tiếp nhận nếu cần kiểm tra thì sẽ tự tra cứu trên hệ thống nên không cần thiết phải chứng thực bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Chứng chỉ hành nghề dược, sau khi được cấp, Sở Y tế đã đăng công khai trên Cổng thông tin của Sở, trong đó, cũng công khai phạm vi hoạt động hành nghề dược đối với từng trường hợp

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 Điều 38 Luật Dược 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 73.485.800 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 66.367.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7.118.800 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,69 %.

**3. Thủ tục Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (BYT-BLI-286951)**

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

\* Cần bãi bỏ thủ tục hành chính Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược. Đồng thời, bổ sung nội dung Xin phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục

thuốc hạn chế bán lẻ vào mẫu Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (nếu có) (Mẫu số 19 của Phụ lục 1 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP)

\* Lý do:

Đây là trường hợp cơ sở bán lẻ thuốc đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, xin phép được bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở bán lẻ thuốc, khi làm thủ tục đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, cơ sở chỉ cần ghi vào trong Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, là cơ sở xin phép được bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ (nếu có) và theo đó, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược sẽ phải thể hiện nội dung cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ (nếu cho phép). Như vậy là đủ, cơ sở không cần phải đi làm thêm thủ tục khác.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 32 (mẫu số 19 Phụ lục 1) Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.;

- Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.877.600 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.877.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

./.